

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 05/4/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Đại Hải
- Bà Nguyễn Thị Minh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 211/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Kiều D, sinh năm: 1976 và bà Phù Thị Ngọc TA, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn HT, xã CTĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông D, bà TA có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Tổ dân phố PT, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T có mặt)

3. *Người làm chứng:* Ông Văn Minh TU, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông TU có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA trình bày:* Vợ chồng ông bà có cho ông Nguyễn Phước T vay số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 12/6/2022, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông T thường xuyên vi phạm không trả lãi cho vợ chồng ông bà. Đến khi hết hạn hợp đồng ngày 13/12/2022, vợ chồng ông bà liên lạc đòi nợ nhưng ông T cố tình trốn tránh.

Nguyên đơn nhất trí là bị đơn đã trả cho nguyên đơn 2.500.000 đồng và yêu cầu số tiền này trừ vào nợ gốc. Do đó, ông D bà TA yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông bà nợ gốc 47.500.000 đồng, lãi trong hạn 06 tháng lãi suất 1,5%/tháng, lãi quá hạn từ ngày 13/12/2022 đến ngày xét xử.

*\* Tại bản tự khai ngày 08/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:* Ngày 12/6/2022, ông T cần tiền làm ăn nên ông đã vay tiền của vợ chồng ông D, bà TA nhưng chưa nhận được tiền. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền với nội dung vợ chồng ông D cho ông vay 50.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng. Ông không nhận được tiền vay vì vợ chồng ông D nói có tiền sẽ gọi ông vào nhận. Đến tháng 8 năm 2022, vợ chồng bà TA đến nhà đòi tiền lãi, hai bên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bà TA đe dọa cho người đến nhà ông quậy. Ông sợ nên mượn tiền của ông Văn Minh TU, nhờ ông TU chuyển vào tài khoản của bà TA 0500832242016 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 2.500.000 đồng 03 tháng là 7.500.000 đồng. Ông có nhờ người chuyển trả vào tài khoản trên của bà TA 03 tháng số tiền 7.500.000 đồng. Nay vợ chồng ông D bà TA yêu cầu ông phải trả cho ông bà tổng số tiền 63.500.000 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.500.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 13/12/2022 đến ngày 13/8/2023 là 9.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh từ ngày 13/8/2023 đến khi xét xử. Ông không đồng ý trả vì ông không nhận khoản tiền nào cả.

*\* Tại bản tự khai ngày 12/01/2024, người làm chứng ông Văn Minh TU trình bày:* Ông không có quan hệ bà con với ông T, ông là bạn của con trai ông T. Trong năm 2022, ông T gặp khó khăn nên có mượn của ông tổng số tiền 7.500.000 đồng. Số tiền này ông T nhờ ông chuyển vào tài khoản của bà TA 0500832242016 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Cụ thể vào tháng 8,9,10 năm 2022 ông trực tiếp đến Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín nộp vào tài khoản trên của bà TA mỗi lần 2.500.000 đồng. Ông T không nói cho ông biết lý do chuyển tiền cho bà TA, ông cũng không biết mối quan hệ của hai người. Số tiền ông nộp vào tài khoản của bà TA giùm ông T là việc riêng giữa các ông. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Các tài liệu có trong hồ sơ:* Hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 6 năm 2022 tại HT (bản gốc); giấy nộp tiền lập ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - phòng giao dịch R (bản chính); công văn số 07/2024/CV-ĐVCR ngày 12/01/2024, công văn không có số ngày 31/01/2024 và công văn số 33/2024/CV-ĐVCR ngày 04/3/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín-phòng giao dịch R.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

*[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Ngày 27/12/2023, nguyên đơn ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông D, bà TA là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt ông D, bà TA.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1]* Trong hồ sơ, nguyên đơn đã giao nộp 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” lập ngày 12 tháng 6 năm 2022 giữa ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA và ông Nguyễn Phước T. Ông T khai nhận hai bên có lập hợp đồng vay tiền đúng như nguyên đơn đã giao nộp, ông T có ký vào hợp đồng vay tiền này nhưng ông chưa được nhận số tiền vay, đồng thời ông T có chuyển trả cho bà TA tiền lãi 06 tháng mỗi tháng 2.500.000 đồng vì bà TA đe dọa. Lời khai này của ông T là không phù hợp, bởi nếu ông T chưa nhận được tiền vay thì có gì phải trả tiền lãi cho bà TA, trong khi đó ông T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông chưa nhận được tiền vay của vợ chồng bà TA cũng như việc ông bị vợ chồng bà TA đe dọa. Do đó, căn cứ vào “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” lập ngày 12 tháng 6 năm 2022 Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào ngày 12 tháng 6 năm 2022 vợ chồng ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA có cho ông Nguyễn Phước T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Đến thời hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo cam kết nên nguyên đơn có quyền khởi kiện và bị đơn có nghĩa vụ trả đầy đủ tiền nợ gốc, nợ lãi theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*[2.2]* Bị đơn ông Nguyễn Phước T và người làm chứng ông Văn Minh TU đều khai nhận vào tháng 8, 9, 10 năm 2022 ông T nhờ ông TU nộp vào tài khoản 0500832242016 của bà TA tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín 03 lần mỗi lần số tiền 2.500.000 đồng, tổng cộng là 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông T chỉ cung cấp được 01 “GIẤY NỘP TIỀN” ngày 12/10/2022 do người nộp tiền Văn Minh TU nộp vào tài khoản 050083242016 của bà Phù Thị Ngọc TA tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 2.500.000 đồng với nội dung “VAN MINH THUC CTIEN”. Ông T cũng khai nhận có nhờ người khác chuyển tiền trả vào tài khoản trên của bà TA 03 lần mỗi lần 2.500.000 đồng nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự việc này. Tại các công văn số 07/2024/CV-ĐVCRC ngày 12/01/2024, công văn không có số ngày 31/01/2024 và công văn số 33/2024/CV-ĐVCRC ngày

04/3/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín-phòng giao dịch R cung cấp: Vào ngày 12 tháng 10 năm 2022, ông TU có giao dịch chuyển tiền tới tài khoản của bà TA số tài khoản 0500832242016 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín bằng hình TU nộp tiền mặt vào tài khoản theo giấy nộp tiền số TT22285HQBHY; vào các tháng 8, 9 năm 2022 ông TU không có giao dịch chuyển tiền tới tài khoản trên của bà TA; đồng thời căn cứ vào Sao kê các thông tin giao dịch của tài khoản 0500832242016 từ ngày 01/8/2022 đến ngày 31/01/2023 thì không có giao dịch nào thể hiện ông T chuyển tiền trả cho bà TA mỗi lần 2.500.000 đồng. Nguyên đơn nhất trí bị đơn có chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở để chấp nhận bị đơn ông T đã chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng. Căn cứ vào khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về thứ tự trả nợ gốc, nợ lãi thì ưu tiên trả nợ gốc trước, trả nợ lãi sau nên số tiền 2.500.000 đồng được trừ vào số nợ gốc 50.000.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 68.803.750 đồng, trong đó nợ gốc 47.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 12/6/2022 đến ngày 12/12/2022 (06 tháng) là 4.275.000 đồng và nợ lãi quá hạn lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn từ ngày 13/12/2022 đến ngày 05/4/2024 (478 ngày) là 17.028.750 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải nộp 3.440.187 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 280, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 322 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA.** Buộc ông Nguyễn Phước T phải trả cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA tổng số tiền 68.803.750 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 4.275.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và nợ lãi quá hạn 17.028.750 đồng (Mười bảy triệu không trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

### **2. Về án phí:**

Hoàn lại cho ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA số tiền 1.587.500 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002641 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Ông Nguyễn Phước T phải nộp 3.440.187 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**3. Quy định:** Kể từ ngày ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Phước T không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc TA có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Ông Nguyễn Phước T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hồng Công**